

Số: 14/2023/QĐST-DS

Ô Môn, ngày 04 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 120/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Các nguyên đơn:

1. Ông **Lương Văn H**, sinh năm 1960 (mất ngày 03/9/2021)

Nơi cư trú: Ngõ Sĩ L, phường , quận Y, Thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

Bà **Lư H**, sinh năm 1965

Chị **Lương Thị Ngọc T**, sinh năm 1995

Anh **Lương Thành Ng**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Ngõ Sĩ L, phường , quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T và anh Ng: Bà **Lư H**, sinh năm 1965 (văn bản ủy quyền ngày 17/3/2023)

2. Ông **Lương Minh T**, sinh năm 1966

Nơi cư trú: khu vực H, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Lương Văn H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: khu vực H, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà **Lê Thị Thu S**, sinh năm 1976 (văn bản ủy quyền ngày 11/4/2023)

4. Bà **Lương Tuyết H**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Khu vực H, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông **Lương Minh T**, sinh năm 1966 (văn bản ủy quyền ngày 18/12/2019)

5. Bà **Lương Thị H**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Huỳnh Tấn P, phường T, quận D, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa: Bà **Lương Thị N**, sinh năm 1973 (văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019).

6. Bà **Lương Thị N**, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Trần Hưng Đ, phường C, quận S, Thành phố H.

7. Ông **Lương Bé L**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: khu vực D, phường C, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1987 (văn bản ủy quyền ngày 13/3/2023)

8. Ông **Lương Tấn C**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: khu vực H, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà **Lương Thị N**, sinh năm 1973 (văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Luật sư **Trần T. M** - Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Lương Tấn C**, sinh năm 1956 (mất ngày 15/9/2021)

Nơi cư trú: khu vực H, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1965

Nơi cư trú: khu vực H, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: ấp Nhơn T, xã Mỹ N, huyện B, tỉnh Bến T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lương Thị C**, sinh năm 1950 (có đơn yêu cầu độc lập ngày 12/8/2022)

Nơi cư trú: Hòa H, phường K, quận Y, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của các ông (bà) Lương Minh T, Lương Văn H, Lương Tuyết H, Lương Thị H, Lương Thị Nh, Lương Bé L, Lương Tấn C, Lu H, Lương Thị Ngọc T, Lương Thành Ng (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn H), Huỳnh Thị D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Tấn C) về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 844183 (số vào sổ CH01814) và giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 844184 (số vào sổ CH01813) do UBND quận Ô Môn cấp ngày 26/6/2013 cho bà Phạm Thị L đứng tên như sau:

1. Bà Lương Thị N được quyền sử dụng phần đất diện tích 262,5m² loại đất LUC (ký hiệu A) và 79,5m², loại đất CLN (ký hiệu Q).

2. Bà Lương Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 385,2m² loại đất LUC (ký hiệu B) và 120,5m², loại đất CLN (ký hiệu T).

3. Ông Lương Văn H được quyền sử dụng phần đất diện tích 397,7m² loại đất LUC (ký hiệu C) .

4. Bà Lương Tuyết H được quyền sử dụng phần đất diện tích 399,5m² loại đất LUC (ký hiệu D) và 79,2m², loại đất CLN (ký hiệu P).

5. Ông Lương Minh T được quyền sử dụng phần đất diện tích 403,7m² loại đất LUC (ký hiệu E) và 68,3m², loại đất CLN (ký hiệu N).

6. Ông Lương Tấn C được quyền sử dụng phần đất diện tích 405,9m² loại đất LUC (ký hiệu F) và 231m², loại đất CLN (ký hiệu S).

7. Bà Lư H, Lương Thị Ngọc T, Lương Thành Ng (người thừa kế của ông Lương Văn H) được quyền sử dụng phần đất diện tích 422,7m² loại đất LUC (ký hiệu H) và 118m², loại đất CLN (ký hiệu L).

8. Ông Lương Bé L được quyền sử dụng phần đất diện tích 423m² loại đất LUC (ký hiệu I); 82,8m², loại đất CLN+ LUC (có 59,4m² đất CLN) (ký hiệu O); 99,3m² loại đất CLN (ký hiệu M) và 150,1m², loại đất CLN+ LUC (có 135,2m² đất CLN) (ký hiệu K).

9. Bà Huỳnh Thị D (người thừa kế của ông Lương Tấn Cận) được quyền sử dụng phần đất diện tích 411,4m² loại đất LUC (ký hiệu G).

Các đương sự thống nhất thỏa thuận phần nhà thờ tổ tiên do bà Lương Thị C xây dựng năm 2001 trên phần đất hiện nay ông Lương Tấn C được sử dụng nên tiếp tục giao nhà thờ tổ tiên cho ông C quản lý để lo việc thờ cúng.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế của bà Phạm Thị L là các ông (bà) Lương Minh T, Lương Văn H, Lương Tuyết H, Lương Thị H, Lương Thị N, Lương Bé L, Lương Tấn C, Lư H, Lương Thị Ngọc T, Lương Thành Ng (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn H), Huỳnh Thị D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Tấn C) với bà Lương Thị C về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/11/2018 giữa bà Phạm Thị L và bà Lương Thị C được công chứng tại Văn phòng công chứng Thiệu Ngọc T ngày 27/11/2018 đối với phần đất có diện tích theo đo vẽ thực tế là 113,8m², loại đất CLN (ký hiệu R)- theo bản trích đo địa chính số 49/TTKTTNMT ngày 03/02/2023.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 49/TTKTTNMT ngày 03/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường- Sở Tài nguyên và môi trường

thành phố Cần Thơ).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên chuyển quyền theo quy định pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Lương Văn H tự nguyện nộp thay cho các nguyên đơn và đã nộp xong, nên bà Huỳnh Thị D có trách nhiệm giao trả cho ông Lương Văn H số tiền 1.045.000đồng (*một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Văn H và bà Lương Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lương Văn H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011019 ngày 26/5/2020.

Ông Lương Minh T phải nộp 1.713.000đồng (*một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011018 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm 1.413.000đồng (*một triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng*).

Bà Lương Thị N phải nộp 1.252.000đồng (*một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011015 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm 952.000đồng (*chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Bà Lương Thị H phải nộp 1.853.000đồng (*một triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011016 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm 1.553.000đồng (*một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Bà Lương Tuyết H phải nộp 1.741.000đồng (*một triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011017 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm 1.441.000đồng (*một triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*).

Ông Lương Tân C phải nộp 2.363.500đồng (*hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011013 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm 2.063.500đồng (*hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Bà Lư H, Lương Thị Ngọc T, Lương Thành Ng phải nộp 1.977.000đồng (*một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011020 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm 1.677.000đồng (*một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

Ông Lương Bé L phải nộp 2.603.000đồng (*hai triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 011014 ngày 26/5/2020 nên phải nộp thêm

2.303.000đồng (*hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Bà Huỳnh Thị D phải nộp 1.470.000đồng (*một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Q. Ô Môn;
- Cơ quan THADSQ.Ô Môn;
- TAND TPCT;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN

Đặng Nguyễn Khánh Xuân